TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 01 */2025/KDTM-ST* Ngày: 09 / 6 /2025 *V/v " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Văn Lược; Ông Vũ Văn Thoa

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký TAND thị xã Bỉm sơn.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số *13/2023* /TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2023 về : "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01 /QĐXX-KDTM ngày 12 / 5/2025, quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST-KDTM ngày 28/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP Đ **(**B**) gọi tắt là Ngân hàng.**

Địa chỉ: T, A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người được ủy quyền: Ông: Đoàn Huy H- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh T2, Thanh Hóa.

Người được ủy quyền lại: Bà Tạ Thị T – Chức vụ: Trưởng phòng KHCN- Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh T2, Thanh Hóa (Bà Tạ Thị T có mặt)

2**.Bị đơn**: Ông Bùi Văn T1 sinh năm 1980

Trú tại: Khu phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị G sinh năm 1990 (vợ anh Bùi Văn T1)

Trú tại: Khu phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 / 10 /2023 , bản tự khai ngày 05 tháng 11 năm 2023 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ngân hàng TMCp Đ trình bày:

Trong khoảng thời gian năm 2015-2017 ông Bùi Văn T1 đã có quan hệ tín dụng với B thông qua 03 hợp đồng tín dụng. Cụ thể các hợp đồng vay như sau:
Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 02/2015/ 6989720/HĐTD ký ngày 12/5/2015 số tiền cho vay là: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo bảng kê rút vốn ngày 12/05/2015 là: Thời hạn vay vốn: 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô kinh doanh vận tải. Lãi suất cho vay là: 7,5% năm cố định trong 12 tháng đầu tiên hết thời hạn 12 tháng áp dụng mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn theo quy định hiện hành của B. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Gốc lãi được trả thành 20 kỳ 03 tháng/ kỳ lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6989720/HĐTD ký ngày 24/9/2015 số tiền cho vay là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) ngân hàng đã giải ngân cho vay với số tiền là 600.000.000đ theo bảng kê rút vốn ngày 24/9/2015. Thời hạn vay vốn: 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 7,5%/ năm cố định trong 12 tháng. Hết thời hạn 12 tháng áp dụng mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn theo quy định hiện hành của B. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô kinh doanh vận tải.

Hình thức trả gốc lãi được trả thành 20 kỳ; 03 tháng 1 kỳ, lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng số 01 /2017/ 6989720/HĐTD ký ngày 24/4/2017 số tiền cho vay là 530.000.000đ ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho vay với số tiền là: 530.000.000đ theo bản kê rút vốn ngày 24/4/2017. Thời hạn vay vốn là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày B giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay đến ngày 24/02/2018. Ngày giải ngân : 24/04/2017, ngày thu nợ cuối cùng: 24/02/2018. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp thời hạn vay vốn không đủ 01 ngày các bên thoả thuận thống nhất thời hạn vay được tính tròn thành 01 ngày.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. . Lãi suất cho vay trong hạn là 9,7% / năm cố định trong thời gian hiệu lực của hợp đồng . Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức trả gốc lãi gốc được trả 01 lần vào ngày 24/02/2018; lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là:

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6989720/HĐBĐ ký ngày 23/3/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6989720/HĐBĐ ký ngày 12/5/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thi G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/698970 /HĐBĐ ký ngày 24 /9/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2018 ông Bùi Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng. Ngày 08/4/2025 Ngân hàng đã rút một phần yêu kê biên phát mại đối với xe ô tô có mui màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg BKS 36C-106.40 lý do chiếc xe này bị tai nạn và được bảo hiểm bồi thường số tiền bồi thường đã được chuyển trả cho B số tiền 450.000.000đ vào ngày 19/9/2018, sau khi đối trừ các khoản nợ ông T1 đã trả và số tiền công ty Bảo hiểm thanh toán do xe bị tai nạn số nợ của anh Bùi Văn T1 tính đến ngày 09/6/2025 là: Tiền gốc: 740.000.000đ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ

Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Bùi Văn T1 phải có trách nhiệm trả số nợ trên. Nếu không trả được số nợ trên (hoặc trả không đầy đủ) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp sau đây để thi hành án cụ thể:

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thi G.

Tại các bản tự khai ngày 20 /12 /2024; bản tự khai bổ sung ngày 28/3/2025; 03/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ông T1 và bà G thừa nhận số nợ theo đại diện ngân hàng trình bày số tiền vay tính đến ngày 09/6/2025 là: Tiền gốc: 740.000.000đ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là: 03 xe ô tô như sau:

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015.
-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015.
-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015.
Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô có BKS 36C-106.40 bị tai nạn (thời gian đã lâu nên ông bà không nhớ, nhưng đã được công ty B1 trả nợ vào Ngân hàng).
Xe ô tô có BKS 36C-11093 hiện không có mặt tại địa phương, hiện ở Xuân Lộc Đ do Ngân hàng không cung cấp giấy lưu hành nên xe không hoạt động được. Ông bà chỉ biết xe ở X, Đồng Nai chứ không biết địa chỉ cụ thể.
Xe ô tô có BKS 36C-130-98 hiện không có mặt tại địa phương, ông T1 và bà G khai mua chung chiếc xe này với anh một chị tên M ở Lạng Sơn, không nhớ chính xác họ là gì và hiện nay ở đâu vì chị M mang xe đi. Hiện tại ông T1 và bà G không biết chiếc xe này ở đâu?

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Bùi Văn T1 phải có trách nhiệm trả số nợ tính đến ngày 09/6/2025 là: Tiền gốc: 740.000.000đ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ. Nếu ông T1 không trả được số nợ trên thì đề nghị HĐXX kê biên phát mại tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ô tô có BKS 36C-13098 và xe ô tô có BKS 36C-11093 để thu hồi vốn vay. Nếu tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mại các tài sản khác của ông Bùi Văn T1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ông T1, bà G thống nhất số nợ trên và đề nghị Ngân hàng có biện pháp để đưa xe ô tô BKS 36C-11093 về để bán trả nợ cho Ngân hàng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Bỉm Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị HĐXX tuyên buộc anh Bùi Văn T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm Tiền gốc: 740.000.000đ; ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ.

Nếu ông T1 không trả được số nợ trên đề nghị Toà án tuyên kê biên phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo

giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6989720/HĐBĐ ký ngày 12/5/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/698970 /HĐBĐ ký ngày 24 /9/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T1 phải trả số tiền vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông Bùi Văn T1 có địa chỉ khu phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh hóa là hộ đăng ký kinh doanh về ngành nghề kinh doanh vận tải. Mục đích vay vốn phục vụ cho nhu cầu kinh doanh vận tải nên căn cứ vào khoản 1 điều 30; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự, tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung vụ án :

[2.1] xét về hợp đồng tín dụng

Xét về các hợp đồng tín dụng ngân hàng ký kết với anh Bùi Văn T1:

Các hợp đồng tín dụng số : 01 /2017/ 6989720/HĐTD ký ngày 24/4/2017; hợp đồng tín dụng số 02/2015/ 6989720/HĐTD ký ngày 12/5/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6989720/HĐTD ký ngày 24/9/2015 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B2 (nay là chi nhánh T2, tỉnh Thanh Hóa) và ông Bùi Văn T1 là sự thoả thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đ và bên vay là ông Bùi Văn T1. Theo nội dung của các hợp đồng tín dụng ông T1 vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền theo hợp đồng số 01/2017 là: 530.000.000đ; Số tiền anh T1 vay theo hợp đồng số 02/2015/ 6989720/HĐTD số tiền ông T1 vay là 600.000.000đ; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6989720/HĐTD ông T1 vay là: 600.000.000đ. Xét

các hợp đồng tín dụng trên phù hợp với các quy định của pháp luật, ông T1 đã được giải ngân đầy đủ theo các hợp đồng tín dụng nói trên, nên buộc ông T1 phải trả số tiền đã vay theo các hợp đồng tín dụng nói trên.

Trong quá trình sử dụng vốn vay do xe ô tô có BKS BKS 36C-106.40 bị tai nạn nên công ty B1 đã chuyển trả cho Ngân hàng số tiền 450.000.000đ vào số tiền ông T1 vay Ngân hàng và số tiền ông T1 đã trả. Nên tính đến ngày 09/6/2025 ông T1 còn nợ ngân hàng tiền gốc: 740.000.000đ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ.

[2.2] Xét về các hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay trên anh Bùi Văn T1 đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Văn T1 và chị Nguyễn Thị G bao gồm:

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6989720/HĐBĐ ký ngày 23/3/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6989720/HĐBĐ ký ngày 12/5/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G. Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/698970 /HĐBĐ ký ngày 24 /9/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Xét các hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng và ông Bùi văn T1 được thực hiện đúng quy định của pháp luật, được công chứng chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có giá trị pháp lý ràng buộc các bên phải tuân theo các điều khoản được ký kết trong hợp đồng.

Tại phiên toà, Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị kê biên tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015 lý do xe bị tai nạn và ngày 19/9/2028 công ty B1 đã trả cho Ngân hàng số tiền là 450.000.000đ. Vì vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp là

xe ô tô có BKS 36C-106.40 thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

Các tài sản khác là 02 xe ô tô còn lại 01 xe ô tô có BKS 36C-11093 hiện không có ở địa phương, xe không được ngân hàng cấp giấy lưu hành ông T1 không biết hiện nay chiếc xe này ở đâu anh chỉ biết ở X Đồng Nai. Lời khai của bà Nguyễn Thị G thì chiếc xe ở ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Toà án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ uỷ thác cho Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai lấy lời khai của người quản lý chiếc xe nhưng không có kết quả vì trên địa bàn huyện X không có ấp T. Mặt khác, ông T1 không rõ địa chỉ hiện chiếc xe ở đâu. Còn đối với chiếc xe ô tô có BKS 36C013098 đăng ký giấy tờ xe tên ông Bùi Văn T1. Quá trình gải quyết ông T1 khai anh mua chung với một người tên là M ở Lạng Sơn nhưng không rõ họ tên địa chỉ của người này, chị này đã mang xe đi hiện tại anh không biết xe này ở đâu.

Căn cứ hướng dẫn tại phần III, mục 11 công văn số 196/TANDTC ngày 03/10/2023 của Toà án nhân dân tối cáo thông báo về kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử quy định:

"Trường hợp Toà án xác định hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong quá trình ký kết , hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì việc không xác định được ô tô là tài sản thế chấp đang ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp . Do đó khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Toà án tuyên phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 1 điều 299 và điều 303 của BLDS năm 2015".

Như vậy, cần phải chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc tuyên kê biên phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô có BKS 36C-11093 và xe ô tô có BKS 36C013098 đứng tên ông Bùi Văn T1 là tài sản chung của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G để thu hồi vốn vay .

[4]Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH; điểm c mục 1.4 Danh mục về mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 buộc ông Bùi Văn T1 phải chịu án phí KDTMST theo quy định của pháp luật .

Căn cứ vào những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1.**Áp dụng**: Khoản 1 điều 30, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 3 điều 144; điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

-Điều 463;464;465;466 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng.

-Khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH; điểm c mục 1.4 khoản 1 mục II danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông Bùi Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền đã vay, tính đến ngày 09/6/2025 tiền gốc: 740.000.000đ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ theo các hợp đồng tín dụng số 01 /2017/ 6989720/HĐTD ký ngày 24/4/2017; hợp đồng tín dụng số 02/2015/ 6989720/HĐTD ký ngày 12/5/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6989720/HĐTD ký ngày 24/9/2015. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn T1 vẫn phải trả số nợ lãi trên số nợ gốc chưa trả được cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Mức lãi suất được tính theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết .

Nếu ông Bùi Văn T1 không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp các tài sản sau:

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

-Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đề nghị có quan thi hành án kê biên phát mại đối với tài sản thế chấp là: -01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

3.Về án phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông Bùi Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền đã vay, tính đến ngày 09/6/2025 tiền gốc: 740.000.000đ; Lãi trong hạn: 654.112.261 đ; Lãi quá hạn : 215.662.674 đ. Tổng là: 1.609.774.935 đ theo các hợp đồng tín dụng số 01 /2017/ 6989720/HĐTD ký ngày 24/4/2017; hợp đồng tín dụng số 02/2015/ 6989720/HĐTD ký ngày 12/5/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6989720/HĐTD ký ngày 24/9/2015. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn T1 vẫn phải trả số nợ lãi trên số nợ gốc chưa trả được cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Mức lãi suất được tính theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết .

Nếu ông Bùi Văn T1 không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp các tài sản sau:

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-11093 số khung: D 300F82A0609 số máy : 002078160477 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010424 do công an tỉnh T cấp ngày 06/05/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

-01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 21800 kg có BKS 36C-13098 số khung: D 340F104A069 số máy : 403078591698 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015258 do công an tỉnh T cấp ngày 17/ 9 /2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

-Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đề nghị có quan thi hành án kê biên phát mại đối với tài sản thế chấp là: -01 xe ô tô tải có mui, màu vàng tải trọng hàng hoá 19.450 kg có BKS 36C-106.40 số khung: D 300F82A0538 số máy : 002078166644 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008795 do công an tỉnh T cấp ngày 18/3/2015. Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện Ngân hàng TMCP Đ và ông Bùi Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2025). Bà Nguyễn Thị G được quyền kháng cáo về phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2025)

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TẠ THỊ HƯƠNG